

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**

**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2022/DS-PT

Ngày 13 - 01 - 2022

V/v Kiện đòi tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Triết.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Văn Công Dân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2021/DS – PT ngày 07/12/2021 về việc: “Kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2021/QĐ - PT ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần H, bà Phạm Thị L; địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm B, bà Võ Thị Tr; địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hoàng Thị H1; địa chỉ: Số 11 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Mai H2 – Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 11 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Mai H3; địa chỉ: phường Q, thành phố Q1, tỉnh Bình Định (vắng mặt);

+ Bà Trần Thị Hồng H4; địa chỉ: phường 4, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Trần Bá H5; địa chỉ: Thôn 4, xã H Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần H, bà Phạm Thị L, bà Trần Thị Mai H3, bà Trần Thị Hồng H4, ông Trần Bá H5: Ông Tô Tiến D; địa chỉ: phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

*Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Bà Hoàng Thị H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trần H và đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Tô Tiến D trình bày:*

Ông Phạm B và bà Võ Thị Tr là bố mẹ vợ của ông Trần H đang sinh sống nhờ trên nhà và đất của ông Trần H (Từ năm 2010). Đất của ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 196086 vào ngày 10/5/2002, thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, có diện tích 4.810m<sup>2</sup>, tọa lạc tại thôn L1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, đến năm 2017 ông Phạm B, bà Võ Thị Tr khởi kiện vợ chồng ông H, bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bác đơn khởi kiện của ông Phạm B và bà Võ Thị Tr:

- Không chấp nhận yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 196086 của thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34 của ông Trần H, diện tích đất 4.810m<sup>2</sup> đất đo thực tế là 4.432,8m<sup>2</sup>;

- Không chấp nhận yêu cầu công nhận Quyền sử dụng đất của ông Phạm B đối với thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34 tại thôn L1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 4.810m<sup>2</sup> đất đo thực tế là 4.432,8m<sup>2</sup>.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức cha cho con giữa ông Phạm B, bà Võ Thị Tr với ông Trần H ngày 10/5/2002, có xác nhận của UBND xã E.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 86/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm B, bà Võ Thị Tr. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì cho đến nay ông Phạm B, bà Võ Thị Tr đã cố tình không trả nhà cho vợ chồng ông H bà L mà cố tình chiếm dụng, sử dụng.

Do đó vợ chồng ông Trần H, bà Phạm Thị L khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Phạm B và bà Võ Thị Tr phải trả lại cho vợ chồng ông Trần H, bà Võ Thị Tr thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34 tại thôn L1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 4.810m<sup>2</sup>. Có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đường nội thôn có cạnh dài 86,5m; Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Văn H6, ông Phạm Sỹ Ph, có cạnh dài 89,6m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Ng, có cạnh dài 56,9m; Phía Nam giáp đất ông B1, có cạnh dài 52m. Tổng giá trị tài sản nhà và đất khoảng 400.000.000đ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2020, ông Trần H bà Phạm Thị L khởi kiện bổ sung, ông H bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm B bà Võ Thị Tr trả cho ông bà các tài sản sau: 01 Căn nhà gác gỗ, mái lợp ngói, tường xây xi măng; diện tích 66,6m<sup>2</sup>, trong đó có các công trình phụ: Kho, bếp, phòng tắm – vệ sinh; 01 Chuồng gà có diện tích 45,4m<sup>2</sup>, xây gạch, mái tôn; 01 Sân xi măng diện tích 46,7m<sup>2</sup>; 01 giếng nước có đường kính 2,5m, sâu 20m. Tổng giá trị các tài sản là 10.000.000đ.

Ông Trần H không yêu cầu ông B bà Tr phải trả lại các tài sản là các cây trồng trên đất gồm Bơ, Sầu riêng, vì các cây trồng này do vợ chồng ông Trần H trồng. Đối với các tài sản gồm 01 căn nhà, 01 sân xi măng, 01 giếng: Đây là các tài sản có từ thời kỳ ông Phạm B; Đối với các tài sản gồm các công trình phụ, chuồng gà, kho, bếp: Các tài sản trên do ông Trần H xây dựng. Ông H đồng ý với kết quả định giá ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá huyện K, một số tài sản như bếp, chuồng gà, kho đã hư hỏng, không có giá trị sử dụng nên ông H không yêu cầu định giá.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm B, bà Võ Thị Tr là bà Hoàng Thị H1 trình bày:*

Nhà và đất do ông B bà Tr mua từ năm 1986. Ngày 02/6/1992 ông B có lập một giấy khai nhà ở, khai rõ thực trạng nhà và đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Bà bà Tr và đã được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận. Ngày 11/11/1992, ông B làm đơn kê khai tài sản, kê khai rõ thực trạng nhà đất cùng một số tài sản kèm theo và cũng đã được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận là đúng thực tế. Thời gian sau đó ông B bà Tr bán bớt một phần nên còn lại diện tích khoảng 4.810m<sup>2</sup>.

Năm 2005, vợ chồng ông B cùng đi Gia Lai. Một thời gian sau ông bà về lại căn nhà trên sinh sống thì thấy ông Trần H đã chặt phá hết vườn cây ăn trái. Ông H nói rằng nhà đất này chỉ cho vợ chồng ông B ở tạm, một thời gian sau

phải trả lại vì nhà đất này ông H mua và làm sổ bìa đỏ trong khi ông B bà Tr không ký bất kỳ hợp đồng mua bán, sang nhượng nào. Đối với đơn khởi kiện của ông Trần H bà Phạm Thị L yêu cầu buộc ông B bà Tr trả lại lô đất có diện tích 4.810m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 196086 và các tài sản trên đất gồm một nhà cấp 4 và các cây trồng trên đất thì ông B bà Tr không đồng ý, vì nhà đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông B, bà Tr. Ông B bà Tr không hề ký giấy sang nhượng mua bán cho ai.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông H bà L: Trước đây, khi vợ chồng ông B mua đất thì chỉ có một căn nhà tạm bợ và rất nhỏ. Đến năm 1990, vợ chồng ông B tôn tạo, sửa chữa lại nhà (Ngang 6m, dài 11m, cao 6m) và làm thêm một tầng vách gỗ ở phía trên. Cùng năm này, ông bà cũng làm thêm sân phơi lát bằng xi măng, ngang 05m, dài 40m và cải tạo một phần bếp thành chuồng heo (Chứ không phải chuồng gà như ông H trình bày). Đến năm 2010, vợ chồng ông B có cải tạo lại phần nhà vệ sinh, nhà tắm để sử dụng thuận tiện hơn. Đối với yêu cầu buộc ông B bà Tr giao trả lại những tài sản nêu trên thì ông bà hoàn toàn không đồng ý. Những tài sản này do ông bà tạo lập, gây dựng nên bằng công sức của mình và cũng không bán cho ai. Do đó, bà Hoàng Thị H1 đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trần H, bà Phạm Thị L.

Bà Hoàng Thị H1 đồng ý với kết quả định giá ngày 07/6/2021, đối với một số tài sản đã hư hỏng, không có giá trị sử dụng nên bà H1 không yêu cầu định giá đối với các tài sản trên.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mai H3, bà Trần Thị Hồng H4 và ông Trần Bá H5 là ông Tô Tiến D trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần H bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông Phạm B và bà Võ Thị Tr trả lại cho ông Trần H bà Phạm Thị L các tài sản gồm: 01 thửa đất có diện tích 4.810m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34 tại thôn L1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; 01 Căn nhà tên là nhà ngang gác gỗ, mái lợp ngói, tường xây xi măng; diện tích 66,6m<sup>2</sup>, trong đó có các công trình phụ: Kho, bếp, phòng tắm – vệ sinh; 01 Chuồng gà có diện tích 45,4m<sup>2</sup>, xây gạch, mái tôn; 01 Sân xi măng diện tích 46,7m<sup>2</sup>.

Các tài sản này hiện nay ông B bà Tr đang chiếm giữ trái phép. Theo đó, các tài sản này thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông H bà L, đã được công nhận tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2019/DS-

PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Nay trước sự chiếm hữu sử dụng trái phép của ông B bà Tr và trước yêu cầu khởi kiện của ông H bà L, ông Dũng có quan điểm như sau: Ông Dũng thống nhất quan điểm khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H bà Phạm Thị L về việc buộc ông Phạm B bà Võ Thị Tr phải giao trả các tài sản nói trên; Bác mọi yêu cầu của ông Phạm B và bà Võ Thị Tr về việc yêu cầu tranh chấp đến các tài sản sau này mà Tòa án đã công nhận là tài sản của ông H bà L.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trần H, bà Phạm Thị L về việc buộc ông Phạm B bà Võ Thị Tr phải trả lại sản sau: 01 Căn nhà tên là nhà ngang gác gỗ, mái lợp ngói, tường xây xi măng; diện tích 66,6m<sup>2</sup>, trong đó có các công trình phụ: Kho, bếp, phòng tắm – vệ sinh; 01 Chuồng gà có diện tích 45,4m<sup>2</sup>, xây gạch, mái tôn; 01 Sân xi măng diện tích 46,7m<sup>2</sup>. Tổng giá trị các tài sản là 10.000.000đ, các tài sản trên có nguồn gốc như sau: Đối với nhà ngang gác gỗ và phần làm thêm có từ thời kỳ ông B, sau đó bán cho ông H; Đối với các công trình phụ như nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh thì do ông H làm và sửa lại hoàn toàn; Đối với chông gà: Trước đây có nhưng diện tích nhỏ khoảng 15m<sup>2</sup>, sau này ông H sửa lại, diện tích hiện nay là 45,4m<sup>2</sup>; Đối với sân xi măng đã có sẵn từ thời ông B bà Tr, toàn bộ tài sản trên đều được ông B bà Tr cho ông H bà L. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 163, Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần H và bà Phạm Thị L.

Buộc ông Phạm B và bà Võ Thị Tr phải trả cho ông Trần H, bà Phạm Thị L thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.810m<sup>2</sup>, diện tích đo thực tế 4.802,5m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 196096 cho hộ ông Trần H, bà Phạm Thị L vào ngày

03/6/2013, có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đường nội thôn có cạnh dài 86,5m; Phía Đông giáp đất của ông Nguyễn Văn H6, ông Phạm Sỹ Ph, có cạnh dài 89,6m; Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Ng, có cạnh dài 56,9m; Phía Nam giáp đất ông B1, có cạnh dài 52m và các tài sản trên đất, gồm: 01 Căn nhà gác gỗ, mái lợp ngói, tường xây xi măng; diện tích 66,6m<sup>2</sup>, trong đó có các công trình phụ: Kho, bếp, phòng tắm – vệ sinh; 01 Chuồng gà có diện tích 45,4m<sup>2</sup>, xây gạch, mái tôn; 01 Sân xi măng diện tích 46,7m<sup>2</sup>; 01 Giếng có đường kính 2,5m, sâu 20m.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2021 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị H1 kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông H, bà L vì toàn bộ tài sản đang tranh chấp là tài sản chung trong thời kì hôn nhân của ông Phạm B, bà Võ Thị Tr, quá trình quản lý sử dụng ông B, bà Tr không chuyển nhượng, tặng cho ai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn bổ sung yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Các đương sự khác đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Xét thấy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn án phí, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì ông B, bà Trữ không chuyển

nhượng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, diện tích đất 4.810m<sup>2</sup> (Diện tích đo thực tế là 4.802,5m<sup>2</sup>), địa chỉ thửa đất tại xã E, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện Kcho ông Trần H và bà Phạm Thị L, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Về việc xác định ai là chủ sử dụng của thửa đất trên đã được giải quyết bằng một bản án dân sự có hiệu lực pháp luật. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đều ghi nhận thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.810m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế tại hai bản án này là 4.432,8 m<sup>2</sup>) là đất của ông Trần H và bà Phạm Thị L. Đồng thời cũng tại hai bản án này cũng xác định toàn bộ tài sản trên đất là của ông H, bà L. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì ông H, bà L có trồng thêm một số cây ăn trái và xây dựng tường rào bằng tôn thiếc. Như vậy, toàn bộ tài sản trên đất là của ông H, bà L. Riêng đối với tài sản trên đất là cây vú sữa trồng năm 2015 tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/11/2020 xác định là do bị đơn trồng (có giá thực tế theo biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2021 là 884,900đ). Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố về nội dung này nhưng khi cấp sơ thẩm tuyên trả tài sản không khấu trừ công sức đóng góp cho phía bị đơn là thiếu sót, nếu cấp sơ thẩm sửa án sẽ mà mất quyền kháng cáo của đương sự.

[2.2] Mặc dù căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bản án có hiệu lực pháp luật số 86/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, giữa các bản án có sự chênh lệch lớn về diện tích đo đạc thực tế của thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34 như sau: Tại các bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và bản án dân sự phúc thẩm số 86/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đều ghi nhận thửa đất số 132, tờ bản đồ số 34, diện tích 4.810m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế tại hai bản án này là 4.432,8 m<sup>2</sup>); còn tại quá trình giải quyết sơ thẩm và bản sơ thẩm 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Pắc thì lại xác định diện tích đo đạc thực tế của thửa đất trên là 4.802,5 m<sup>2</sup> (diện tích theo GCN QSD đất là 4.810 m<sup>2</sup>). Trong khi đó cùng một đơn vị thực hiện đo đạc, cùng một đối tượng tranh chấp. Nhưng khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc chênh lệch về diện tích đất để xác định rõ diện tích nào là diện tích chính xác là cần thiết mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm thấy cần hủy án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm B và bà Võ Thị Tr là bà Hoàng Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Thị H1 – Hủy bản án Dân sự sơ thẩm số 413/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm B và bà Võ Thị Tr là bà Hoàng Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Đình Triết**